

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/3/2025.

V/v tranh chấp: “Yêu cầu không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.
- Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;
- Ông Huỳnh Văn Hoàn.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đạt - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/02/2025 về tranh chấp “Yêu cầu không công nhận vợ chồng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Lê Thanh N, sinh năm 1973. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Thanh N trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Thị H sống chung vợ chồng từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tiếng nói chung, nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay tôi có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thanh V, sinh năm 1999. Do con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của ông N về việc không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn.

- Về hôn nhân: Tôi đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi với ông Lê Thanh N.

- Về con chung: có 01 con chung như ông N trình bày, con đã trưởng thành nên tôi

không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ tranh chấp “Yêu cầu không công nhận vợ chồng” theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Lê Thanh N, bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông N, bà H.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Ông Lê Thanh N và bà Nguyễn Thị H chung sống vợ chồng từ năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn. Ông N cho rằng thời gian gần đây giữa ông và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông N có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà H.

Xét thấy, ông Lê Thanh N và bà Nguyễn Thị H thống nhất trình bày, ông và bà chung sống vợ chồng từ năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông N có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà H. Phía bà H cũng thống nhất với lời trình bày của ông N và đồng ý với yêu cầu của ông N. Như vậy, theo quy định pháp luật thì ông N và bà H phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện nay, ông, bà vẫn không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông N với bà H đã vi phạm Điều 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình, nên quan hệ giữa ông Lê Thanh N với bà Nguyễn Thị H không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nên việc ông Lê Thanh N yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Thị H là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, cần được Hội đồng xét xử chấp nhận và tuyên bố ông Lê Thanh N và bà Nguyễn Thị H không phải là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thanh V, sinh năm 1999. Do con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên thống nhất trình bày tự thỏa thuận về tài sản và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Ông N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Thanh N với bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thanh V, sinh năm 1999. Do con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: hai bên thống nhất trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí: Ông Lê Thanh N phải chịu 300.000 đ án phí hôn nhân sơ thẩm được cản trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002926 ngày 18/02/2025 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, xem như đã nộp xong án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa